

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VN-Index giảm điểm vào cuối phiên trước áp lực bán gia tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

KBC, TCM

[Cập nhật công ty]

CTG, VHC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn

19/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,269.18	-0.35
VN30	1,294.93	-0.38
HĐTL VN30F1M	1,281.00	-1.82
HNXIndex	297.94	-1.08
HNX30	545.87	-1.69
UPCoM	92.77	-0.09
USD/VND	23,403	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.49	+1
Lãi suất qua đêm (%)	2.29	-6
Dầu (WTI, \$)	89.32	-1.30
Vàng (LME, \$)	1,754.16	-0.25



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,269.18 (-0.35%)
KLGD (triệu CP) 607.6 (+16.8%)
GTGD (triệu US\$) 637.5 (-2.8%)

HNXIndex 297.94 (-1.08%)
KLGD (triệu CP) 83.7 (+13.2%)
GTGD (triệu US\$) 65.1 (+10.0%)

UPCoM 92.77 (-0.09%)
KLGD (triệu CP) 75.4 (+92.0%)
GTGD (triệu US\$) 31.3 (+41.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.2

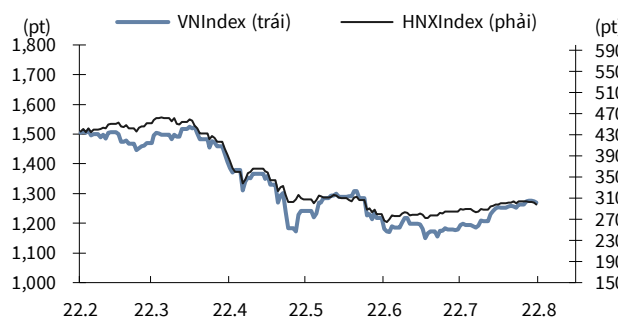
VN-Index giảm điểm vào cuối phiên trước áp lực bán gia tăng với thanh khoản đi ngang trước sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng và bất động sản. Khối ngoại quay trở lại bán ròng, tập trung ở KBC (-1%), DXG (+1.2%), VHM (-1.6%).

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á sau khi FED công bố biên bản cuộc họp cho thấy họ có khả năng sẽ tiếp tục tăng lãi suất và duy trì cho đến khi lạm phát giảm đáng kể.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cho biết, sản lượng gạo của Ấn Độ trong niên vụ 2022-23 có thể giảm xuống 128.5 triệu tấn do thời tiết không thuận lợi, thấp hơn mức 130.29 triệu tấn trong niên vụ 2021-22. Thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm gạo ở LTG (+0.6%), TAR (+0.4%).

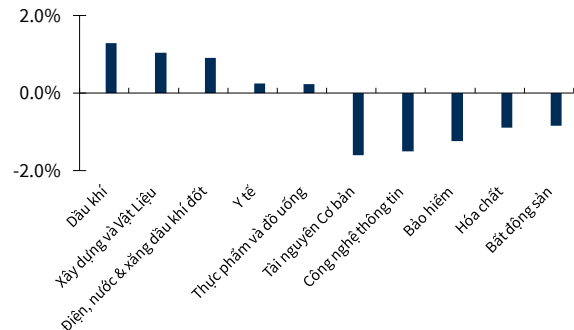
Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thép tiếp tục giảm xuống 196.4 triệu USD (-60.3% YoY), tương ứng giảm 20% MoM khiến cổ phiếu thép giảm giá ở NKG (-2.1%), HPG (-1.7%).

VNIndex & HNXIndex



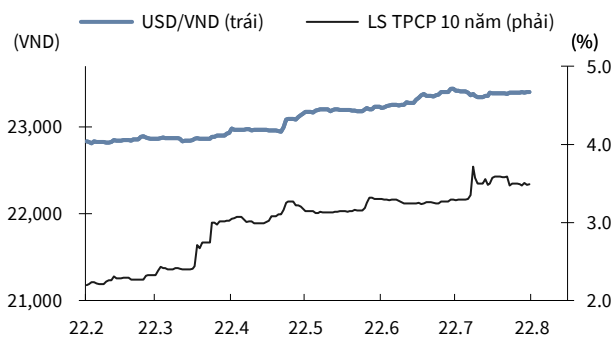
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



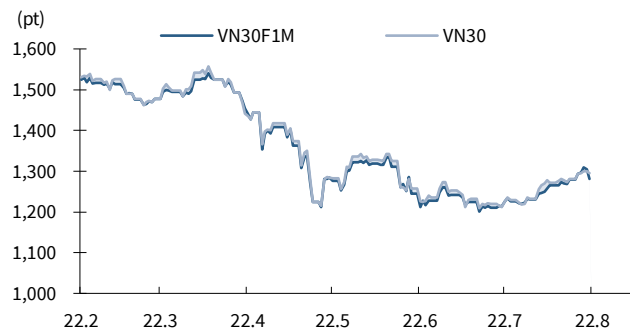
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,294.93 (-0.38%)
VN30F1M	1,281.0 (-1.82%)
Mở cửa	1,292.1
Cao nhất	1,292.1
Thấp nhất	1,276.1
KLGD (HĐ)	192,002 (-0.7%)

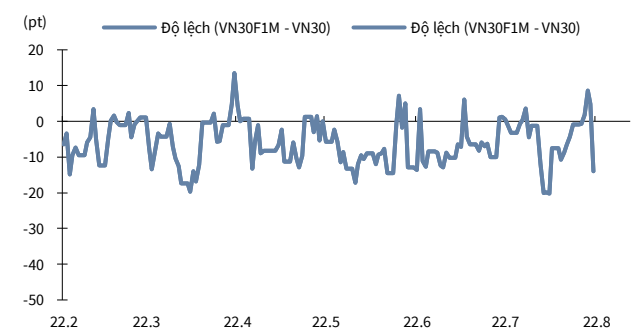
Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 biến động quanh mức -11.5 điểm trong phiên sáng sau đó giảm dần trong phiên chiều xuống mức thấp nhất tại -16.98 điểm và đóng cửa ở mức -13.93 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện trong phiên hôm nay.

HĐTL VN30F1M & VN30



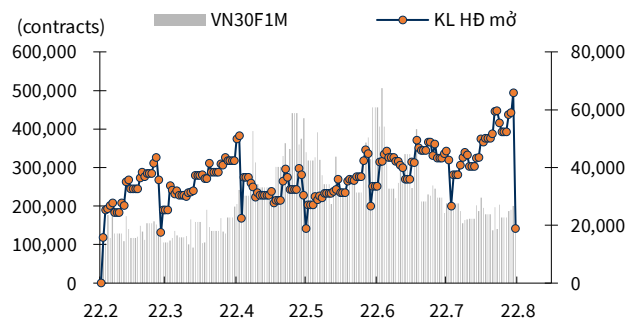
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



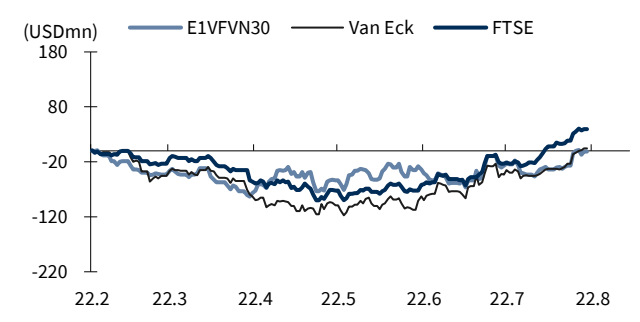
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

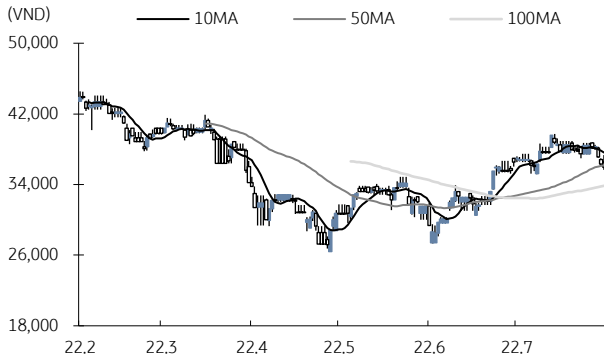
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (KBC)

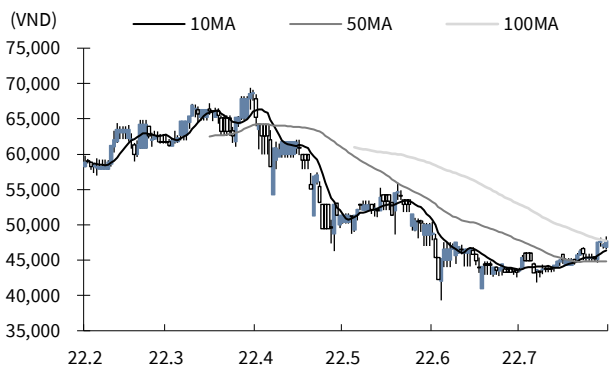


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 0.96% xuống 35,950 VND/cp

- V#DailyFocusTextLight Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc và Tập đoàn Foxconn đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) về việc thuê lại 50.5 ha đất tại KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Giang. Foxconn dự kiến sẽ đầu tư vào dự án mới với tổng mức đầu tư khoảng hơn 300 triệu USD, sử dụng hơn 30,000 lao động địa phương.

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM tăng 1.06% lên 47,700 VND/cp

- V#DailyFocusTextLight Dệt may Thành Công công bố lợi nhuận tháng 7 đạt 35 tỷ đồng, gấp 2.24 lần so nền thấp cùng kỳ năm trước và doanh thu đạt 400 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Công ty cho biết đã nhận đủ đơn hàng cho quý III và nhận khoảng gần 80% đơn hàng cho kế hoạch doanh thu quý cuối năm.

08/19/2022

Chuyên viên phân tích Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

2Q2022, LNTT đạt 5,785 tỷ VND, tăng 107.3% YoY

2Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 11,972 tỷ VND (+18.0% QoQ, +10.1% YoY); LNTT 2Q2022 đạt 5,785 tỷ VND (-0.6% QoQ, +107.3% YoY); Tăng trưởng tín dụng đạt 9.6% YTD.

NIM 2Q2022 tăng 22 bps QoQ nhờ tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ

Lãi suất đầu ra bình quân 2Q2022 đạt 6.05%, tăng 34bps QoQ do tín dụng tăng trưởng nhanh trong 1H2022 cùng với tỷ trọng cho vay bán lẻ - SME tăng vốn là nhóm có lãi suất cho vay cao khiến NIM 2Q2022 đạt 2.84%, tăng 22bps QoQ.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.35%, tăng 10bps QoQ, nợ nhóm 2 và nhóm 5 tiếp tục tăng

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 đạt 1.35%, tăng 10bps QoQ trong đó nợ nhóm 5 tăng mạnh, đạt 0.96% (+38bps QoQ). Bên cạnh đó, nợ nhóm 2 đạt 1.25% (+15bps QoQ), cao nhất trong nhiều quý gần đây. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 189.7%, cao thứ 4 hệ thống ngân hàng.

Đẩy mạnh cho vay bán lẻ là động lực cải thiện NIM trong trung và dài hạn

Trong 1H2022, tăng trưởng tín dụng nhóm bán lẻ và SME lần lượt đạt 22.4% và 11.7%, cao hơn mức tăng trưởng chung là 9.6%. Tỷ trọng cho vay bán lẻ 2Q2022 đạt 36.1% trên tổng dư nợ, tăng 362 bps YTD. Tăng tỷ trọng dư nợ bán lẻ với mức lãi suất tốt hơn sẽ là động lực chính cho tăng trưởng NIM của CTG trong thời gian tới.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 38,900 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2022 là 38,900 VND/cp, cao hơn 33.7% so với giá tại ngày 17/08/2022.

MUA

Giá mục tiêu VND38,900

Tăng/Giảm	33.7%
Giá hiện tại (17/08/2022)	VND29,100
Giá mục tiêu thị trường	VND38,587
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	139,847

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	115/4.9
Sở hữu nước ngoài (%)	26.85%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

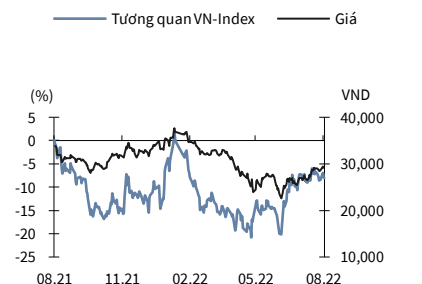
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	7	-14	-15
Tương đối	-1	8	1	-8

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,581	41,788	46,185	52,019
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	29,232	35,971	40,646	44,647
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,694	14,089	17,953	24,394
EPS (VND)	3,678	2,932	3,736	5,076
Tăng trưởng EPS (%)	45%	-20%	27%	36%
PER (x)	7.9	9.9	7.8	5.7
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	22,939	19,487	22,615	27,191
PBR (x)	1.27	1.49	1.29	1.07
ROE (%)	16.9%	15.9%	17.8%	20.5%
Tỷ suất cổ tức tiền mặt (%)			1.14%	1.14%

Nguồn: Fiiipro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

19/08/2022

Chuyên viên phân tích Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

CTCP Vĩnh Hoàn

Tăng trưởng chậm lại trong Q3/2022

Kết quả kinh doanh 1H2022 tăng trưởng mạnh

- Trong quý 2/2022, VHC ghi nhận lợi nhuận đạt 788 tỷ đồng (+202% YoY) và doanh thu 4,226 tỷ đồng (+80% YoY). Trong đó, doanh thu từ sản phẩm phi lê đông lạnh chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu, đạt 2,810 tỷ đồng (+85% YoY), phụ phẩm đạt 721 tỷ đồng (+47% YoY) và Collagen & gelatin 231 tỷ đồng (+48% YoY). Về thị trường tiêu thụ, Mỹ chiếm đến 50% doanh thu của VHC và cũng là thị trường có mức tăng trưởng cao nhất với 2,125 tỷ đồng (+136% YoY). Bên cạnh đó, doanh thu từ châu Âu đạt 536 tỷ đồng (+49% YoY) và Trung Quốc & Hồng Kông 419 tỷ đồng (+8% YoY).
- Theo đó, lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, lợi nhuận của VHC đạt 1,332 tỷ đồng (tăng 240% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần 7,494 nghìn tỷ đồng (tăng 81.4% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 83% và 58% kế hoạch lợi nhuận ròng và doanh thu của năm 2022

Doanh thu tháng 7 tích cực hơn tháng 6 tuy nhiên đà tăng chậm lại so với đầu năm

- T7/2022, doanh thu đạt 1,198 tỷ đồng (+48% YoY), trong đó đóng góp lớn nhất từ mảng cá phi lê đông lạnh đạt 798 tỷ đồng (+44% YoY, 31% MoM) và phụ phẩm 211 tỷ đồng (+69% YoY, -10% MoM). Tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường Mỹ 434 tỷ đồng (+32% YoY, 31% MoM), Trung Quốc 194 tỷ đồng (+60% YoY, 22% MoM).
- Giá cá tra nguyên liệu và cá giống cũng đã hồi phục nhẹ từ cuối tháng 7 (theo Agromonitor), tuy nhiên giá thức ăn vẫn ở mức cao khiến nhu cầu thả mới không quá ồ ạt. VHC hiện đang tự chủ từ 65-70% nguyên liệu.

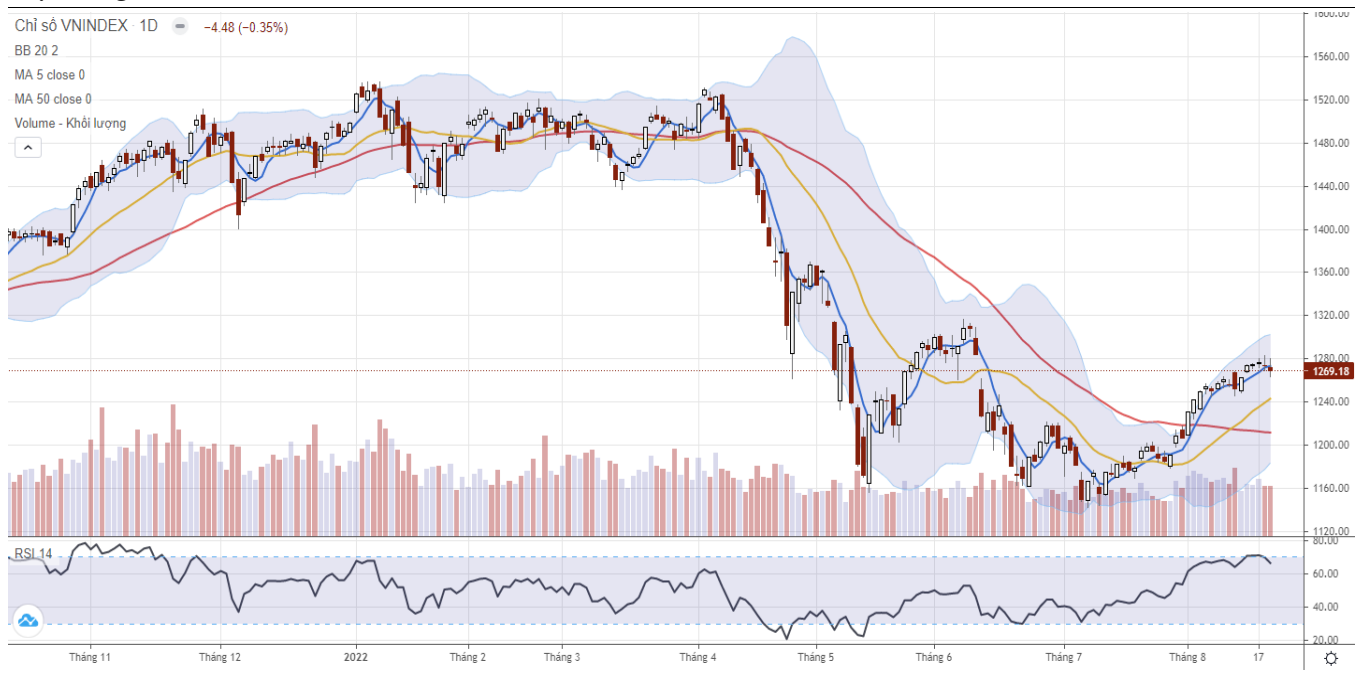
Triển vọng xuất khẩu trong 2H2022

- Dù chững lại trong Q3/2022 so với 1H2022 nhưng doanh nghiệp cho biết sản lượng sẽ hồi phục trong Q4/2022 và đầu Q1/2023 khi đây là mùa cao điểm tiêu thụ cá tra bởi nhu cầu tăng cao dịp lễ hội và giá bán sẽ neo ở mức cao. Cụ thể, tại thị trường Mỹ sẽ được thúc đẩy nhờ nhu cầu tăng dịp lễ hội cuối năm và hàng tồn kho giảm bớt. Theo tìm hiểu của chúng tôi giá cá tra xuất khẩu sang Mỹ đã có sự phục hồi trong T8 sau khi giảm mạnh trong T6 và cao hơn so với cùng kỳ. Đối với thị trường châu Âu được hỗ trợ bởi lệnh cấm cá thịt trắng của Nga tạo cơ hội mở rộng thị phần cá tra Việt Nam, hiệp định UKVFTA và EVFTA giảm áp lực thuế nhập khẩu vào Anh và EU và nhu cầu cũng gia tăng trong mùa nghỉ lễ. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc được kỳ vọng sẽ có sự phục hồi khi quốc gia này dần nới lỏng các điều kiện nhập khẩu và nhu cầu tăng nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát.
- Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rủi ro suy giảm kinh tế tại Mỹ và đặc biệt là châu Âu đang hiện hữu trong khi Trung Quốc cũng đang có dấu hiệu chững lại của nền kinh tế và việc mở cửa trở lại hoàn toàn nền kinh tế vẫn là yếu tố bất định. Điều này có thể ảnh hưởng đến triển vọng tiêu dùng nói chung và đối với nhu cầu cá tra nói riêng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

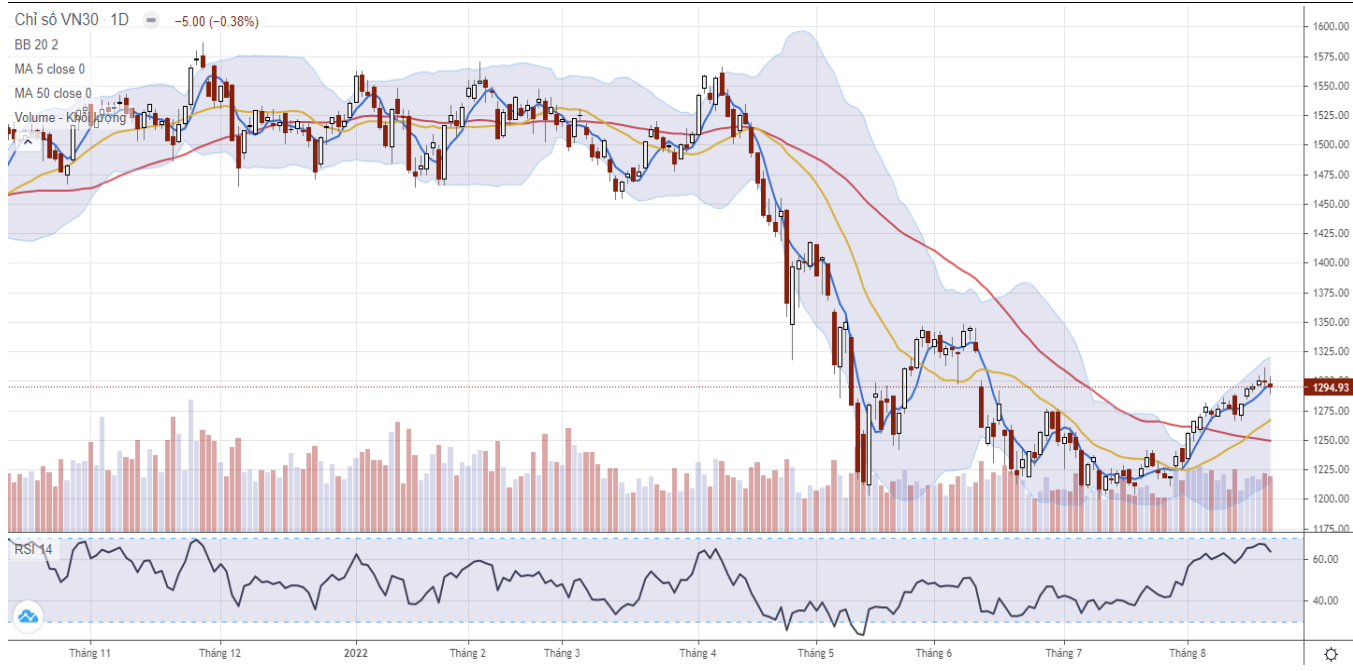
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm trong biên độ hẹp đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm giằng co trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Chỉ số đảo chiều sụt giảm mạnh trong phiên cùng thanh khoản tăng đột biến cho thấy những dấu hiệu của một phiên phân phối điển hình. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex đang phải đối mặt với rủi ro tiếp tục mở rộng xuống vùng hỗ trợ gần là 125x và xa hơn là 123x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- NĐT được khuyến nghị bán trading khi chỉ số tăng chạm kháng cự và chỉ kê mua trở lại tại các vùng hỗ trợ nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1301 - 1304

Kháng cự gần: 1292 - 1296

Hỗ trợ gần: 1273 - 1275

Hỗ trợ xa: 1257 - 1260

- Sau những nỗ lực vượt vùng cản gần bất thành, F1 đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ xa quanh 127x đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, trong kịch bản tiêu cực, F1 đang phải đối mặt với rủi ro tiếp tục mở rộng xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh là 125x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

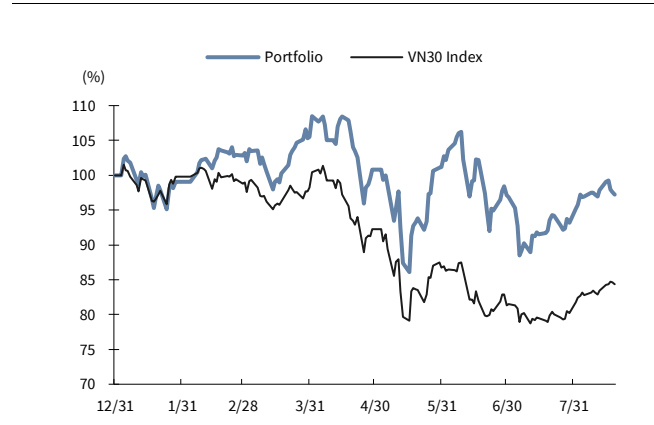
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.38%	-0.45%
Tăng lũy kế (YTD)	-15.68%	-2.82%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	64,100	-0.6%	65.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,700	1.6%	-13.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,000	-0.3%	48.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	186,100	0.6%	-3.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,700	-1.4%	176.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,900	-1.6%	258.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,250	-1.7%	49.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,600	1.7%	57.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,750	-1.7%	113.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	35,950	-1.0%	249.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.0%	54.4%	118.2
PVD	4.2%	6.3%	40.5
NVL	-1.0%	5.8%	39.3
MSN	0.0%	28.8%	21.7
SSI	0.2%	24.8%	16.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KBC	-1.0%	19.4%	-122.9
DXG	1.2%	29.8%	-53.8
VHM	-1.6%	23.3%	-56.9
CTG	-1.7%	26.9%	-37.1
NLG	-3.3%	40.9%	-23.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	0.4%	1.0%	0.2
PVS	4.3%	9.4%	0.2
TVD	0.6%	3.3%	0.1
PCG	-2.7%	44.1%	0.1
ICG	3.3%	7.3%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-1.8%	4.9%	-3.2
THD	-3.2%	1.3%	-0.4
IDC	0.0%	0.2%	-0.3
PVI	3.5%	58.5%	-0.3
OCH	-3.8%	0.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	3.4%	SAB, MSN
Dầu khí	2.3%	PLX, PVD
Bán lẻ	2.0%	MWG, DGW
Xây dựng và Vật Liệu	1.5%	VGC, CTD
Dịch vụ tài chính	1.4%	VIX, FTS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.5%	BVH, MIG
Hóa chất	-1.4%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	-1.2%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	-1.1%	HVN, VJC
Truyền thông	-0.9%	YEG, ADG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	15.7%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	10.7%	VGC, CII
Ngân hàng	7.2%	VCB, BID
Bất động sản	6.9%	NVL, BCM
Tài nguyên Cơ bản	6.6%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.3%	OPC, TNH
Bảo hiểm	0.0%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	MSH, PNJ
Du lịch và Giải trí	1.4%	VJC, SKG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.5%	GEX, PDN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	76,479 (3.3)	22.5	282.9	109.7	14.7	8.4	2.3	2.5	2.5	-0.3	2.6	-1.3	-28.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	133,334 (5.7)	26.6	8.4	7.0	35.9	21.6	21.6	1.7	1.4	-1.6	-1.8	2.2	-26.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	45,200 (1.9)	17.8	28.9	18.9	-7.6	8.1	10.3	2.1	1.9	-1.0	-0.2	12.7	-2.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	211,244 (9.0)	31.3	29.4	23.2	6.7	15.1	16.4	4.0	3.5	-1.0	1.0	11.8	-9.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	32,616 (1.4)	11.6	19.7	17.3	13.7	12.8	15.9	2.3	2.0	-1.5	-0.3	7.5	-16.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	250,090 (10.7)	13.9	15.5	15.3	-	13.5	11.6	1.8	1.7	1.2	3.6	38.8	-17.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	91,711 (3.9)	6.3	14.4	11.9	11.7	21.4	21.7	2.8	2.3	-0.7	-0.9	13.5	2.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	67,144 (2.9)	12.7	15.1	12.2	-5.3	15.7	17.1	2.0	1.7	-0.6	0.4	10.4	6.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	167,004 (7.1)	0.0	6.3	5.4	14.3	20.9	19.8	1.2	1.0	-0.3	0.5	8.0	-22.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	122,246 (5.2)	1.4	7.4	6.1	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	-1.7	-1.4	6.4	-16.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	378,183 (16.2)	0.0	7.6	7.2	18.8	20.7	17.2	1.4	1.2	4.0	4.5	11.6	-12.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	222,926 (9.5)	0.0	6.7	5.5	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	-0.2	2.0	9.5	-4.5
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	62,083 (2.7)	4.2	7.3	6.0	23.3	22.9	22.3	1.4	1.2	-2.1	3.3	12.2	-14.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	324,329 (13.9)	14.0	12.1	7.9	26.5	11.5	15.5	1.2	1.1	-0.4	-2.1	9.4	-20.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	63,080 (2.7)	0.0	10.2	6.0	37.4	22.3	22.4	1.4	1.1	-1.0	-0.7	4.6	-30.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,711 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	-0.7	-0.8	-3.3	-11.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	66,569 (2.8)	21.0	17.4	14.3	15.8	9.0	11.9	1.8	1.6	-1.2	-4.1	-2.3	-0.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,631 (0.3)	14.2	14.4	11.7	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	-1.2	-0.8	2.6	-32.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	476,550 (20.4)	55.4	9.1	8.5	-3.2	19.3	16.4	1.5	1.3	0.2	1.0	21.8	-48.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	246,162 (10.5)	71.9	10.4	10.0	-4.0	24.7	20.6	2.2	1.9	-0.5	-0.1	25.9	-34.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	224,736 (9.6)	52.4	10.0	9.6	-19.0	18.2	15.9	1.6	1.4	-0.5	3.1	12.6	-38.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	475,676 (20.3)	27.2	9.7	8.3	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	0.7	0.7	20.8	-31.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	157,566 (6.7)	42.1	17.4	15.8	4.0	27.6	29.3	4.5	4.4	1.0	3.1	1.8	-14.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	34,013 (1.5)	36.9	27.9	23.6	7.3	20.9	21.9	5.2	4.7	0.8	7.1	24.4	29.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	92,739 (4.0)	16.5	26.2	21.0	-51.9	17.4	18.8	4.1	3.5	0.0	4.5	9.8	-21.4
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	93,700 (4.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-0.9	-2.7	-44.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,086 (3.2)	11.0	51.7	18.2	-88.5	8.5	19.9	-	-	0.0	-0.2	-0.4	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	61,173 (2.6)	10.8	19.1	15.7	-57.0	12.2	13.5	2.2	2.0	-1.0	0.4	6.1	9.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	154,869 (6.6)	38.4	8.3	45.9	65.7	14.7	2.4	1.1	1.1	1.6	6.0	30.0	-46.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	22,400 (1.0)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	0.0	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	230,843 (9.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.4	-2.4	11.7	-41.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	53,357 (2.3)	3.6	69.8	18.8	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	5.8	13.7	18.0	-35.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	95,334 (4.1)	0.0	12.3	11.1	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	-1.4	1.4	0.6	36.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	65,115 (2.8)	46.1	15.8	16.1	-17.5	24.5	22.3	3.8	3.5	1.7	1.0	13.4	20.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	32,130 (1.4)	31.4	10.3	10.3	-10.5	18.3	16.3	1.6	1.5	-0.6	-1.0	0.4	-2.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,364 (0.1)	34.1	28.8	12.2	-5.1	6.5	14.9	1.1	1.1	-1.7	-0.8	1.7	-26.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	738,353 (31.6)	18.0	5.4	5.2	21.9	27.1	21.9	1.2	1.0	-1.7	-0.8	7.2	-33.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	113,717 (4.9)	36.5	4.4	6.2	-0.5	38.3	22.5	1.4	1.2	-1.1	0.0	-7.5	-6.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	119,065 (5.1)	46.5	5.9	8.2	-4.5	36.3	21.7	1.8	1.6	-1.2	-1.2	9.2	-12.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	210,020 (9.0)	38.9	4.2	4.9	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	-3.3	-6.0	16.9	-45.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	69,237 (3.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.6	-4.3	3.0	-40.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	47,136 (2.0)	4.6	19.9	16.3	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	0.7	1.8	1.4	-20.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	137,819 (5.9)	39.9	90.0	19.2	-11.9	0.9	4.2	0.8	0.8	4.2	4.8	26.6	-11.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	41,686 (1.8)	35.9	8.2	7.4	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	0.7	-1.2	5.0	-13.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	207,503 (8.9)	0.0	15.5	13.0	14.4	25.6	25.3	3.1	2.4	-0.6	1.7	6.8	-5.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,351 (2.7)	0.0	16.4	13.4	2.4	24.6	23.5	3.1	2.6	-0.3	0.5	3.2	18.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,551 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-3.4	-8.8	-11.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	139,208 (6.0)	30.3	18.5	16.0	-75.2	30.0	27.0	4.9	3.9	0.8	1.8	22.0	28.9
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	42,933 (1.8)	34.6	9.0	11.6	41.2	32.6	22.8	2.6	2.4	-1.4	-4.4	-0.8	-8.0
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	998 (0.0)	45.4	14.6	13.4	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	1.7	0.9	7.0	-17.3
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	161,281 (6.9)	0.0	18.2	14.9	15.5	26.7	28.4	4.6	3.9	-1.6	0.5	4.7	12.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.